

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 06 - 2025

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vương Thị Dung;
- Ông Nguyễn Chánh Bôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2025, tại Hội trường xét xử A, tầng trệt - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 438/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐHPT-HNGĐST ngày 10 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Diom A, xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng

2. Bị đơn: Ông **Lương Minh H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T xin vắng mặt, còn ông H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2024, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lương Minh H là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 73, được UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/11/2023. Trong thời kỳ hôn nhân vì bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên bà và ông Lương Minh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn, ông

bà đã ngồi lại nói chuyện nhằm cố gắng khắc phục tình trạng trên nhưng không thành. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, đời sống hôn nhân rơi vào bế tắc, tình trạng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Minh H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Bị đơn ông Lương Minh H đã được tổng đạt (Niêm yết) hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.***

Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

****Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:***

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, tài liệu, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T, cho bà được ly hôn với ông Lương Minh H;

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết;

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Bà Nguyễn Thị Huyền T khởi kiện “Xin ly hôn” với ông Lương Minh H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Qua xác minh tại địa phương (Bút lục số 26) thể hiện: Ông Lương Minh H, sinh năm 1985, có đăng ký thường trú và hiện đang cư trú, sinh sống tại: Ấp H, xã N, huyện Đ. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 68, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Bà Nguyễn Thị Huyền T là nguyên đơn, ông Lương Minh H là bị đơn; quan hệ pháp luật trong vụ án được xác

định là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận; còn bị đơn ông Lương Minh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên toà nên căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và phần trình bày của bà T thể hiện: Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Lương Minh H kết hôn năm 2023, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73, đăng ký ngày 06/11/2023 nên xác định là hôn nhân hợp pháp (Bút lục số 07). Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử, giải quyết vụ án.

Bà T trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân vì bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên bà và ông Lương Minh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã ngồi lại nói chuyện nhằm cố gắng khắc phục tình trạng trên nhưng không thành. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, đời sống hôn nhân rơi vào bế tắc, tình trạng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Minh H.

Về việc thu thập chứng cứ, tài liệu: Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của bà T và ông H tại địa phương thể hiện (Bút lục số 25): Vợ chồng bà T và ông H sau khi kết hôn, sinh sống tại địa phương, quá trình sinh sống có mâu thuẫn hôn nhân như thế nào thì địa phương không biết do ông bà không khai báo. Ông H và bà T không còn sống chung với nhau được hơn 01 năm nay, mạnh ai nấy sống.

Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt (Niêm yết) hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông H nhưng ông H không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử tại toà án. Điều này chứng tỏ ông H đã không còn thiết tha, quan tâm và mặc kệ đến quan hệ hôn nhân với bà T. Đồng thời, Tòa án cũng đã phân tích, động viên để bà T đoàn tụ, hàn gắn với ông H nhưng bà T xác định quá trình chung sống vợ chồng đã không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa nên cương quyết xin ly hôn với ông H; chứng tỏ giữa bà T và ông H đã không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng và không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa...vv.

Từ những nhận định, phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H có thật, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà được ly hôn với ông H.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và phần trình bày của bà T thể hiện: Quá trình chung sống, bà T và ông H không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Bà T trình bày về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Ông H không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như phiên tòa xét xử nên không ghi nhận được văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy, đối với phần tài sản chung và nợ chung, không đủ cơ sở xác định đối với các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết và tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 69, 70, 71, 72, 97, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 57 và 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ các Điều 11, 12, 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T đối với ông Lương Minh H về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Lương Minh H.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00 14717 ngày 13/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà T, ông H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã Ngọc Định (Số 73, đăng ký ngày 06/11/2023);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đạt

